

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LỢI  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 13-5-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Phương Anh
- Ông Đào Văn Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Yến L, sinh ngày 16/9/1998. Nơi thường trú: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ hiện nay: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh N, sinh ngày 13/10/1997. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Phạm Yến L và anh Võ Thanh N xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Yến L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/12/2019. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh N thường xuyên cãi nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị và anh N đã ly thân

từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị xác định, chị và anh N có 01 con chung tên là Võ Phạm Linh C, sinh ngày 29/3/2021. Hiện cháu C đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh N trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và tình trạng mâu thuẫn gia đình. Anh đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung, anh đồng ý giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do anh bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N, cho chị L và anh N ly hôn; về con chung: Giao cháu Võ Phạm Linh C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, chị L và anh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Võ Thanh N, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh N hiện đang cư trú tại ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập chị L và anh N tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, chị L và anh

N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh N.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2019 nên hôn nhân của chị L và anh N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L và anh N xác định, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Chị L yêu cầu ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị L và anh N xác định, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa chị L và anh N đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị L và anh N xác định, có 01 con chung tên là Võ Phạm Linh C, sinh ngày 29/3/2021. Hiện cháu C đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu C và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh N đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu C đang sống cùng với chị L; có mức thu nhập ổn định trung bình hàng tháng từ 05 – 07 triệu đồng. Để ổn định chỗ ở, sinh hoạt và học tập của cháu C cũng như điều kiện nuôi dưỡng của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con...” và khoản 2 Điều 82 quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Anh N xác định, anh có mức thu nhập trung bình hàng tháng 06 – 07 triệu đồng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cháu là 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị L cho nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 13/5/2024 đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu án

300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Yến L. Cho chị Phạm Yến L được ly hôn với anh Võ Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Phạm Linh C, sinh ngày 28/3/2021 cho chị Phạm Yến L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu C đang sống cùng với chị L.

Buộc anh Võ Thanh N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 13/5/2024 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh Võ Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Yến L và anh Võ Thanh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Yến L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Chị L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003915 ngày 28/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

Buộc anh Võ Thanh N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Khanh**